**HỆ THỐNG BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ DÙNG ĐỂ THU THẬP   
HỆ THỐNG CHỈ TIÊU THỐNG KÊ CẤP TỈNH**

**Áp dụng đối với: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

**I. DANH MỤC VÀ BIỂU MẪU BÁO CÁO THỐNG KÊ**

| **STT** | **Tên biểu** | **Ký hiệu biểu** | **Kỳ báo cáo** | **Ngày nhận báo cáo** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|
| **A** | **B** | **C** | **D** | **E** |
| 1 | Số lượt khách du lịch nội địa | 001.H/T1702-VHTTDL | Quý, năm | Báo cáo quý: Ngày 20 tháng cuối quý báo cáo  Báo cáo năm: Ngày 28 tháng 3 năm sau năm báo cáo |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Biểu số: 001.H/T1702-VHTTDL**  Ban hành kèm theo Quyết định số 2889/QĐ-UBND ngày 15/8/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa  Ngày nhận báo cáo:  Ngày 20 tháng cuối quý báo cáo  Ngày 28 tháng 3 năm sau năm báo cáo | **SỐ LƯỢT KHÁCH DU LỊCH NỘI ĐỊA**  Quý…, Năm … | Đơn vị gửi:  Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch  Đơn vị nhận:  Cục Thống kê |

*Đơn vị tính: Lượt khách*

|  | Mã số | Kỳ báo cáo | Lũy kế đầu năm đến hết kỳ báo cáo | Ghi chú |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| A | B | 1 | 2 | 3 |
| **Tổng số** | **01** |  |  |  |
| **1. Chia theo loại khách** |  |  |  |  |
| - Khách du lịch nghỉ qua đêm | 02 |  |  |  |
| - Khách trong ngày | 03 |  |  |  |
| **2. Chia theo loại cơ sở phục vụ** |  |  |  |  |
| - Cơ sở lưu trú | 04 |  |  |  |
| - Cơ sở lữ hành | 05 |  |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu**  *(Ký, họ tên)* | **Người kiểm tra biểu**  *(Ký, họ tên)* | *Ngày … tháng … năm …*  **Thủ trưởng đơn vị**  *(Ký, đóng dấu, họ tên)* |

**BIỂU SỐ 001.H/T1702-VHTTDL: SỐ LƯỢT KHÁCH DU LỊCH NỘI ĐỊA**

**1. Khái niệm, phương pháp tính**

Khách du lịch nội địa là công dân Việt Nam, người nước ngoài thường trú hoặc làm việc tại Việt Nam đi du lịch trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Trong thống kê, chỉ tiêu số lượt khách du lịch nội địa được hiểu là những người đi ra khỏi môi trường sống thường xuyên của mình để đến một nơi khác ở lãnh thổ Việt Nam và ở đó trong thời gian liên tục ít hơn 12 tháng với mục đích chính của chuyến đi là thăm quan, nghỉ dưỡng, báo chí hội nghị, học tập, thăm thân, chữa bệnh hay các mục đích khác ngoài việc lao động kiếm sống ở nơi đến.

Khách du lịch nội địa nghỉ qua đêm là những khách du lịch nội địa ngủ lại ít nhất một đêm trong các cơ sở lưu trú du lịch tại nơi đến du lịch.

Khách du lịch nội địa trong ngày là những khách du lịch nội địa không nghỉ qua đêm tại bất kỳ một cơ sở lưu trú du lịch nào tại nơi đến du lịch.

Lượt khách do các cơ sở lưu trú phục vụ là số lượt khách đến thuê buồng, giường, nghỉ tại cơ sở lưu trú kể cả lượt khách nghỉ trong ngày và lượt khách có nghỉ qua đêm.

Lượt khách do các cơ sở lữ hành phục vụ là tổng số khách du lịch theo các tour do các đơn vị kinh doanh du lịch tổ chức thực hiện.

Công thức tính:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Tổng số lượt khách du lịch nội địa | = | Tổng số lượt khách  du lịch nội địa nghỉ qua đêm | + | Tổng số lượt khách du lịch  nội địa trong ngày |

Trong đó:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổng số lượt khách  du lịch nội địa  nghỉ qua đêm | = | Tổng số đêm lưu trú của khách du lịch nội địa |
| Số đêm lưu trú bình quân một lượt khách  du lịch nội địa qua đêm |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Tổng số lượt khách du lịch nội địa trong ngày | = | Tổng số lượt khách du lịch nội địa có nghỉ đêm |
| Tỷ lệ giữa khách du lịch nội địa có nghỉ đêm  và khách du lịch nội địa trong ngày trên địa bàn |

**2. Cách ghi biểu**

- Cột 1: Ghi số liệu quý báo cáo theo nội dung tương ứng cột A.

- Cột 2: Ghi số liệu lũy kế đầu năm đến hết kỳ báo cáo theo nội dung tương ứng cột A.

**3. Phạm vi và thời kỳ thu thập số liệu**

Trên phạm vi toàn tỉnh. Thời kỳ thu thập số liệu: số phát sinh trong quý báo cáo/năm báo cáo.

**4. Nguồn số liệu**

- Điều tra thông tin khách du lịch nội địa.

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.